

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HS-ST

Ngày: 06 - 11 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Mâu và bà Nguyễn Thị Hòe

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 722/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Khánh T; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10 tháng 9 năm 1971, tại **huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; nơi ĐKTT: **Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; nơi ở hiện nay: **Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; thái độ chính trị: Đảng viên **Đ1** bị Đình chỉ sinh hoạt đảng đến ngày 31/12/2023 theo Quyết định số: 46-QĐ/UBKTĐUK, ngày 22/9/2023 của UBKT Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh Quảng Bình; con ông: **Nguyễn Tư K**, sinh năm 1944 (chết); con bà: **Trần Thị L**, sinh năm 1946; Anh chị em ruột: có 06 người, **T** là con đầu trong gia đình; có vợ: **Hoàng Thị Hồng G**, sinh năm: 1981; có 03 đứa con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Ông **Phạm Duy T1** – Giám đốc **Công ty TNHH D**; địa chỉ: **Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**, vắng mặt;

2. Ông Nguyễn Văn Y – Giám đốc Công ty TNHH X1; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

3. Ông Hoàng Văn M – Giám đốc Công ty TNHH X2; địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

4. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có giấy xin xét xử vắng mặt;

5. Trần Đăng K1, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

6. Hoàng Thị Hồng G, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có giấy xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Công TNHH Tùng Cát đăng ký thành lập ngày 11/5/2018, mã số doanh nghiệp: 3101050080, ngành nghề kinh doanh: sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi; vận tải hàng hóa, do Nguyễn Khánh T làm Giám đốc, có địa chỉ tại thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tháng 9/2022 Công ty TNHH T4 thuê đất tại thôn X, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình để làm bãi tập kết cát mua về trước khi xuất bán, Nguyễn Khánh T giao cho ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (em trai T) quản lý, ghi chép số lượng cát nhập vào, xuất ra. Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 29/3/2023, tại bãi tập kết cát nói trên, ông Nguyễn Văn L1 đang điều khiển máy xúc, xúc cát lên xe ô tô 73C-089.41, kéo theo sơmí romóoc BKS 73R-005.08 do Trần Đăng K1, sinh năm 1982 trú tại xã V, huyện T điều khiển, trên xe đã xúc được 25 m³ cát và tại bãi tập kết có 500 m³ cát xây dựng (cát sông) nhưng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp thì bị Phòng CSĐT tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu Công an tỉnh Q phối hợp với Công an huyện T và Đội quản lý thị trường số D1 phát hiện, tạm giữ phương tiện cùng 525 m³ cát và các giấy tờ, tài liệu liên quan để điều tra.

Kết quả điều tra số cát mua vào, bán ra của Công ty TNHH T4, cụ thể:

Từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, Công ty TNHH T4 mua của Công ty TNHH T5, địa chỉ: xã T, huyện T 400 m³ cát với tổng giá trị thanh toán 42.000.000 đồng (có hợp đồng mua bán và hóa đơn GTGT kèm theo hàng hóa); mua của một số người dân không được cấp giấy phép khai thác nhưng đã tự ý dùng đồ gỗ có gắn động cơ khai thác trên khu vực Sông G tiếp giáp cồn bãi Boi thuộc thôn B, xã T, huyện T và thôn L, xã V, huyện T: 5.610 m³ với giá 25.000 đồng/m³, tổng tiền thanh toán 140.250.000 đồng, toàn bộ số cát được người bán vận chuyển về bãi tập kết của công ty TNHH T6 cát bằng đò, mỗi đò có khối lượng từ 05 m³ đến 15 m³ thể hiện

trong sổ ghi chép có chữ ký của người bán, cụ thể: Mua của bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1978, trú tại **thôn C, xã C, huyện T** 3.460 m³ cát sông, tổng tiền thanh toán 86.500.000 đồng; mua của ông **Hoàng Văn T2**, sinh năm 1974 (chồng bà **X**) 800 m³ cát sông, tổng tiền thanh toán 20.000.000 đồng; mua của ông **Hoàng Công Đ**, sinh năm 2000 (con trai bà **X**) 310 m³ cát sông, tổng tiền thanh toán 7.750.000 đồng; mua của bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1977, trú tại **thôn T, xã C, huyện T** (**H** thuê hai người đàn ông tên **H1** và **G1** không rõ nhân thân, địa chỉ dùng đồ khai thác) 885 m³ cát sông, tổng tiền thanh toán 22.125.000 đồng; mua của một số người khác không rõ nhân thân, địa chỉ: 155 m³ cát sông, tổng tiền thanh toán 3.875.000 đồng. Ngoài ra, từ năm 2019 đến tháng 8/2022 **Công ty TNHH T4** có mua cát từ một số mỏ cát và của các cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nhưng không có hóa đơn, chứng từ.

Từ năm 2019 đến 2022, **công ty TNHH T4** bán ra (bao gồm cát sông và cát hạt mịn): 45.681 m³ cát với tổng giá trị hàng hóa là 6.821.404.000 đồng (giá trị hàng hóa trước thuế 6.201.276.000 đồng, thuế GTGT 620.128.000 đồng). Trong đó, chỉ có 300 m³ cát với tổng giá trị hàng hóa mua vào 30.000.000 đồng là có hóa đơn chứng minh nguồn gốc hợp pháp (mua của **Công ty TNHH T5**).

Để có hóa đơn kê khai thuế đầu vào, khấu trừ thuế GTGT đối với số cát đã mua không có hóa đơn, chứng từ nói trên, **Nguyễn Khánh T** đã liên hệ với một số lái xe (không rõ nhân thân, lai lịch) thường xuyên vận chuyển cát nhưng không có nhu cầu sử dụng hóa đơn và đưa mã số thuế, tên, địa chỉ của Công ty cho các lái xe để nhờ lấy hóa đơn GTGT với tên người mua hàng là **Công ty TNHH T4**. Các lái xe sẽ trả tiền mặt cho các mỏ cát đối với các hóa đơn dưới 20 triệu đồng, còn hóa đơn từ 20 triệu đồng trở lên thì lái xe đặt cọc tiền hàng hóa, lấy hóa đơn về và **Nguyễn Khánh T** chuyển tiền đến tài khoản của công ty xuất hóa đơn, lái xe lấy lại tiền cọc và trả lại toàn bộ tiền mặt cho **T**. Tổng cộng, các lái xe đã đưa cho **Nguyễn Khánh T** 150 hóa đơn GTGT ghi không khối lượng hàng hóa 41.488 m³ cát hạt mịn, tổng giá trị thanh toán 3.487.498.000 đồng, trong đó giá trị hàng hóa trước thuế 3.170.432.635 đồng, thuế GTGT 317.018.365 đồng của các Công ty gồm:

- **Công ty TNHH D**, có địa chỉ tại **thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** đã xuất cho **Công ty TNHH T4** 105 hóa đơn GTGT, có ghi hàng hóa 25.400 m³ cát với tổng giá trị thanh toán là 1.955.800.000 đồng, trong đó giá trị hàng hóa trước thuế 1.778.000.000 đồng, thuế GTGT 177.800.000 đồng;
- **Công ty TNHH X1**, có địa chỉ tại **thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình** xuất cho **công ty TNHH T4** 33 hóa đơn GTGT, có ghi hàng hóa gồm 8.250 m³ cát với tổng giá trị thanh toán là 635.250.000 đồng, trong đó giá trị hàng hóa trước thuế 577.500.000 đồng, thuế GTGT 57.750.000 đồng;
- **Công ty TNHH X2**, có địa chỉ tại **tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** xuất cho **Công ty TNHH T4** 12 hóa đơn GTGT, có ghi hàng hóa gồm 7.700 m³

cát với tổng giá trị thanh toán là 894.570.000 đồng, trong đó giá trị hàng hóa trước thuế 813.272.000 đồng, thuế GTGT 81.298.000 đồng;

- Các Công ty trên xuất hóa đơn GTGT cho công ty TNHH T4 thông qua các lái xe có mua hàng thực tế, họ không biết lái xe mạo danh và không hưởng lợi ích vật chất gì. Sau khi có 150 hóa đơn GTGT không pháp nói trên, Công ty TNHH T6 cát đã sử dụng để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu phát sinh đầu vào để được khấu trừ thuế nhằm giảm số tiền thuế phải nộp của các năm 2019 đến năm 2022. Tại Kết luận giám định số 2372/KL-GĐ ngày 09/6/2023 của Cục Thuế tỉnh Q kết luận số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T4 từ việc sử dụng 150 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo là 305.027.872 đồng, trong đó: số tiền thuế GTGT 133.668.182 đồng (năm 2019: 53.999.658 đồng; năm 2020: 79.668.524 đồng); số tiền trốn thuế TNDN: 171.359.690 đồng (năm 2020: 45.928.590 đồng; năm 2021: 80.211.100 đồng; năm 2022: 45.220.000 đồng).

Về hành vi khai thác, mua bán cát sông: Tại bản kết luận giám định số 450/KL-KTHS ngày 26/5/2023 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: các chữ viết “Xuân”, “T2”, “Đoàn” của mẫu cần giám định (sổ ghi chép) so với chữ viết của Nguyễn Thị X, Hoàng Văn T2, Hoàng Công Đ là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 08/KL-GĐ ngày 21/6/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất Cục Đ2 kết luận: mẫu cát gửi giám định là khoáng sản (là cát dùng làm vật liệu xây dựng thông thường).

Tại kết luận định giá số 2308/STC-KLĐG ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp tỉnh kết luận: 3.460 m³ cát do bà Nguyễn Thị X bán có trị giá 310.696.550 đồng; 885 m³ cát do bà Nguyễn Thị H bán có trị giá 310.696.550 đồng; 800 m³ cát do ông Hoàng văn T3 bán có trị giá 70.392.160 đồng; 310 m³ cát do H2 công Đoàn bán có trị giá 27.191.960 đồng; 155 m³ cát do một số cá nhân khác không rõ địa chỉ bán có trị giá 13.253.100 đồng; 425 m³ cát tại bãi tập kết có trị giá 38.875.600 đồng (100 m³ cát là mua của công ty TNHH T5 theo hóa đơn GTGT số 005 ngày 15/02/2023 nên không định giá).

Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị H đã sử dụng đồ gỗ có gắn động cơ để khai thác cát trái phép đem bán cho Nguyễn Khánh T, hai bên có lập hợp đồng và cam kết cát có nguồn gốc hợp pháp; Hoàng Văn T2 và Hoàng Công Đ mua cát do người khác khai thác trái phép đem bán cho Nguyễn Khánh T. Tuy nhiên giá trị cát mà X, T2, Đ khai thác đều dưới 500 triệu đồng, tiền thu lợi bất chính đều dưới 100 triệu đồng và không có tiền án, tiền sự nên hành vi không cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Nguyễn Khánh T mua cát nhưng không biết những người trên khai thác trái phép đem bán. Do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến Công an tỉnh Q để xử lý hành chính theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý các vật chứng sau:

1. 01 xe ô tô đầu kéo BKS 73C-089.41 nhãn hiệu CNHTC, màu sơn: Đồng, số khung: LZZ5CLSB9GN124505, số máy 160317025977, chủ xe Công ty TNHH T4 (xe đã qua sử dụng) đã trả lại cho Nguyễn Khánh T;
2. 01 sơ mi rơ mooc BKS 73R-005.00 nhãn hiệu DOOSUNG, màu sơn: xanh, số loại: DV-DSKS, số khung: BXTZFBV7060, chủ xe: Công ty TNHH T4 (xe đã qua sử dụng) đã trả lại cho Nguyễn Khánh T;
3. 01 máy xúc nhãn hiệu Huynhdai, màu vàng, số khung: N60210127, số máy: D6BT4053314C (đã qua sử dụng) đã trả lại cho Nguyễn Khánh T;
4. 01 cuốn sổ (đã ghi chép 36 trang) đã trả lại cho Nguyễn Khánh T;
5. 01 cuốn sổ (đã ghi chép 14 trang) đã trả lại cho Nguyễn Khánh T;
6. 64 tờ phiếu nhập kho của bê tông T2 phát từ tháng 2-3/2023, đã trả lại cho Nguyễn Khánh T;
7. 525 m³ cát tạm giữ tại bãi tập kết vật liệu của Công ty TNHH T4 (trả lại cho Nguyễn Khánh T 100 m³ cát; chuyển Công an tỉnh Q xử lý 425 m³ cát);
8. 01 cuốn sổ (đã ghi chép 17 trang) được lưu giữ tại hồ sơ vụ án;
9. 04 quyển báo cáo tài chính từ năm 2019 đến năm 2022 của Công ty TNHH T4 được lưu giữ tại hồ sơ vụ án;
10. Tờ khai thuế GTGT từ năm 2019 đến năm 2022 của Công ty TNHH T4 được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Nguyễn Khánh T đã tự nguyện nộp lại đầy đủ số tiền trốn thuế là 305.027.872 đồng hiện đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản Cáo trạng số 72/VKS-P3 ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố: Nguyễn Khánh T về tội "Trốn thuế" theo điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Khánh T phạm tội "Trốn thuế"; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Khánh T từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Tịch thu số tiền 305.027.872 đồng để sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như phát biểu luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo bằng hình thức phạt tiền, bị cáo có tài sản đảm bảo là nhà và đất tại Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B và cam đoan sẽ chấp hành hình phạt nếu không chấp hành thì xử lý tài sản trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Điều tra [Công an tỉnh Q](#), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đầy đủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo [Nguyễn Khánh T](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp về mặt thời gian và địa điểm phạm tội. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Từ năm 2019 đến năm 2022, [Nguyễn Khánh T](#) - Giám đốc [Công ty TNHH T4](#) (Công ty TNHH một thành viên) mặc dù không phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa là cát xây dựng nhưng bị cáo đã sử dụng 150 hóa đơn giá trị gia tăng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của [Công ty TNHH D](#), [Công ty TNHH X1](#), [Công ty TNHH X2](#) (đều có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình) với giá trị hành hóa trước thuế 3.170.432.635 đồng, thuế giá trị gia tăng 317.018.365 đồng, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 3.487.498.000 đồng để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế của kỳ báo cáo quyết toán thuế các năm 2019, 2020, 2021, 2022, làm giảm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và làm tăng tiền thuế giá trị gia tăng được khấu trừ. Hành vi của bị cáo [Nguyễn Khánh T](#) trốn thuế của Nhà nước với số tiền 305.027.872 đồng (Ba trăm linh năm triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi hai đồng) theo Kết luận giám định số 2372/KL- GĐ ngày 09/6/2023 của [Cục Thuế tỉnh Q](#), hành vi đó của bị cáo đã cấu thành tội "Trốn thuế", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về tài chính, kinh tế, thuế, gây mất trật tự trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo đã có hành vi trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách nhà nước, làm giảm hiệu lực quản lý của các cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, ảnh hưởng đến hoạt động lành mạnh của các doanh nghiệp, do đó cần phải có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục chung. Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo [Nguyễn Khánh T](#) khi phạm

tội chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế để khắc phục thiệt hại, bố bị cáo là người có công và được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đơn xin đề nghị được xử phạt tiền là hình phạt chính và có đảm bảo việc thi hành hình phạt tiền là tài sản nhà, đất của bị cáo tại **Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân và điều kiện của bị cáo để áp dụng phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt thấp nhất dưới khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Trong vụ án này có **Nguyễn Thị X** và **Nguyễn Thị H** đã sử dụng đồ gỗ có gắn động cơ để khai thác cát trái phép đem bán cho **Nguyễn Khánh T**, hai bên có lập hợp đồng và cam kết cát có nguồn gốc hợp pháp; **Hoàng Văn T2** và **Hoàng Công Đ** mua cát do người khác khai thác trái phép đem bán cho **Nguyễn Khánh T**. Tuy nhiên giá trị cát mà **X, T2, Đ** khai thác đều dưới 500 triệu đồng, tiền thu lợi bất chính đều dưới 100 triệu đồng và không có tiền án, tiền sự nên hành vi không cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Do đó, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến **Công an tỉnh Q** để xử lý hành chính theo thẩm quyền.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu toàn bộ số tiền bị cáo **T** đã trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp để nộp ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 305.027.872 đồng, trong đó: Số tiền trốn thuế GTGT: 133.668.182 đồng (năm 2019: 53.999.658 đồng; năm 2020: 79.668.524 đồng); số tiền trốn thuế TNDN: 171.359.690 đồng (năm 2020: 45.928.590 đồng; năm 2021: 80.211.100 đồng; năm 2022: 45.220.000đ), bị cáo đã nộp đủ số tiền trên tại cơ quan điều tra và hiện đang được tạm giữ tại **Cục Thi hành dân sự tỉnh Q**. (Theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 02/10/2023 giữa Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp **Công an tỉnh Q** với Cục Thi hành án dân sự tỉnh **Quảng Bình**), cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Khánh T** đã phạm tội "Trốn thuế".
2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 54 Bộ luật Hình sự,
 - Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khánh T: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng)** để sung công quỹ nhà nước.
3. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.
4. Về biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.
 - * Tịch thu toàn bộ số tiền bị cáo **Nguyễn Khánh T** trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp là: **305.027.872 đồng (Ba trăm linh năm triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, tám trăm bảy mươi hai đồng)** để nộp vào ngân sách Nhà nước (bị cáo đã nộp đủ số tiền trên tại cơ quan điều tra và hiện đang được tạm giữ tại **Cục Thi hành dân sự tỉnh Q**). (Theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 02/10/2023 giữa Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp **Công an tỉnh Q** với Cục Thi hành án dân sự tỉnh **Quảng Bình**).
 - Tiếp tục tạm giữ số tiền 305.027.872 đồng để đảm bảo thi hành án.
5. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,
 - Bị cáo **Nguyễn Khánh T** phải chịu nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm
6. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/11/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNVCS - CA Q. Bình;
- Cơ quan CSĐT CA Q. Bình;
- Cục THADS Quảng Bình;
- Vụ GDKT I TANDTC;
- Phòng KTNV - THAHS TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- UBKT Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Bị cáo;
- UBND phường Quảng Phong, TX Ba Đồn;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, Tòa HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn

